

CÁC NHÂN TỐ NỘI SINH, NGOẠI SINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CỦA HTX TRONG NÔNG NGHIỆP

Tác giả: TS. Chu Tiên Quang

Tham luận tại hội thảo VCA – SOCODEV, Hà Nội, 9 – 2010

I. Ý nghĩa của hoạt động dịch vụ của HTX với xã viên trong sản xuất nông nghiệp.

1.1. Các loại hình dịch vụ của HTX đối xã viên trong sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp bao gồm những hoạt động xảy ra trên đồng ruộng do người nông dân thực hiện, được phân thành 3 nhóm: (i). Các hoạt động chuẩn bị sản xuất (đất đai, nguồn nước, giống, chuồng trại..); (ii). Các hoạt động tác động vào cây trồng, vật nuôi theo đặc điểm sinh lý của từng cây, con; (iii). Các hoạt động thu hoạch và sau thu hoạch

Từng hộ nông dân không thể tự mình làm hết các hoạt động phải diễn ra trong 3 nhóm trên, nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế chủ quan của kinh tế hộ như: vốn đầu tư; quỹ đất; sức lao động; kiến thức về canh tác cây trồng, vật nuôi có hạn...

Tất yếu hình thành nhu cầu của các hộ nông dân đối với các dịch vụ hỗ trợ về: vật tư, phân bón, giống, hướng dẫn kỹ thuật để có thể sản xuất một cách thuận lợi và hiệu quả. Thiếu những dịch vụ này hộ nông dân chỉ có thể thực hiện sản xuất ở trình độ thấp với hiệu quả thấp.

Với tư cách là tổ chức kinh tế tự chủ của hộ nông dân cùng sản xuất trên một địa bàn, HTX nông nghiệp có vai trò, chức năng quan trọng trong tổ chức cung ứng các dịch vụ theo nhu cầu của xã viên và những nông dân khác trên địa bàn. Những hoạt động dịch vụ mà HTX có thể triển khai gồm:

1.1.1. Hướng dẫn xã viên áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, gồm:

Kiến thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa; lập kế hoạch sản xuất chung với sự tham gia của từng xã viên; lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi

phù hợp; áp dụng công nghệ mới để tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn, độ đồng đều cao.

1.1.2. Cung ứng các đầu vào của sản xuất nông nghiệp, bao gồm.

Giống cây trồng, vật nuôi; phân bón, hóa chất; thức ăn gia súc, thuốc thú y...có chất lượng đảm bảo, kịp thời vụ với giá cả hợp lý.

1.1.3. Tác động vào sản xuất trên quy mô nhiều xã viên và nông dân, gồm.

- Làm đất (cày, bừa) để xã viên có thể thực hiện các hoạt động tiếp theo (gieo cấy), giúp cho các hộ đảm bảo được thời vụ với giá hợp lý để xã viên giảm được chi phí làm đất so với tự làm hoặc thuê ngoài;

- Thủy lợi (tưới, tiêu nước) theo nhu cầu sản xuất của từng xã viên;

- Bảo vệ cây trồng, vật nuôi của xã viên, chống lại các tác hại của dịch bệnh, thiên tai và những tác động xấu khác của môi trường làm tổn hại sản xuất;

- Tổ chức sản xuất theo lợi thế từng khu vực đồng ruộng để mang lại hiệu quả cao nhất đối với các xã viên tại khu vực đó

1.1.4. Tổ chức sơ chế, tiêu thụ sản phẩm nông sản do xã viên làm ra, gồm

Thu hoạch, làm khô, làm sạch, phân loại, sơ chế và đưa sản phẩm ra thị trường tới địa chỉ tiêu thụ với giá cả có lợi nhất cho xã viên.

1.2. Những lợi ích mang lại cho xã viên sản xuất nông nghiệp

Từ thực hiện các hoạt động dịch vụ nói trên, HTX sẽ mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần tăng thêm cho xã viên của nó trên các khía cạnh sau:

a. Nâng cao vị thế của người xã viên trong đối thoại với các đối tác khác có quan hệ kinh tế, pháp lý với sản xuất kinh doanh nông nghiệp của họ;

b. Hình thành phương thức hoạt động tập thể giữa các xã viên riêng lẻ trong sản xuất nông nghiệp;

c. Mở rộng hoạt động kinh tế sang những lĩnh vực mà từng xã viên không thể tự làm; kết nối sản xuất với thị trường

d. Giảm giá mua các vật tư đầu vào để giảm chi phí sản xuất riêng lẻ của từng xã viên;

đ. Giảm bớt các rủi ro phát sinh trong sản xuất - kinh doanh nông nghiệp;

e. Giảm thiểu cạnh tranh vô lợi giữa các xã viên cùng sản xuất nông nghiệp

f. Tăng cơ hội tiếp cận việc làm mới, tăng thu nhập tại chỗ trong cộng đồng xã viên

1.3. Các nhân tố nội sinh, ngoại sinh ảnh hưởng đến hoạt động dịch vụ của HTX.

Trong hoạt động dịch vụ của mỗi HTX, kết quả tạo phản ánh sự tương tác đa chiều của các nhân tố bên trong, gọi là nội sinh và nhân tố bên ngoài HTX, gọi là ngoại sinh.

Sự tương tác của 2 nhóm nhân tố nói trên không giống nhau ở mỗi HTX dẫn đến kết quả dịch vụ của các HTX quả rất khác nhau. Hiện tượng này là phổ biến trong thực tế và chỉ có thể giải thích được bằng xem xét cụ thể ảnh hưởng của các nhóm nhân tố trên.

1.3.1. Các nhân tố nội sinh gồm.

- Năng lực của xã viên trong việc cùng hình thành nhu cầu về các dịch vụ cần được đáp ứng;

- Năng lực của bộ máy quản lý, điều hành HTX trong tổ chức, triển khai các hoạt động dịch vụ theo nhu cầu xã viên;

- Năng lực của bộ máy quản lý, điều hành HTX trong huy động vốn, tài sản và các loại tư liệu, công cụ để phục vụ triển khai thành công các hoạt động dịch vụ mà HTX quyết định làm;

- Vốn xã hội của HTX - là các mối quan hệ có được của HTX với các tác nhân bên ngoài HTX (Cơ quan công quyền, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội...)

Các nhân tố trên đây hình thành, phát triển từng bước trong quá trình hoạt động của mỗi HTX, từ thấp lên cao, từ ít đến nhiều. Các xã viên HTX là chủ thể tạo ra, không ai thay thế được. HTX chỉ có thể tổ chức hoạt động dịch vụ xã viên thành công khi hội tụ đầy đủ các nhân tố nội sinh

1.3.2. Các nhân tố ngoại sinh

Đối với hoạt động dịch vụ của HTX thì nhân tố ngoại sinh bao gồm tất cả những nhân tố hình thành bên ngoài HTX, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các xã viên HTX. Các nhân tố này tạo ra môi trường bên ngoài HTX, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động dịch vụ của HTX cho xã viên, thường bao gồm:

- Chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với HTX;
- Nhận thức xã hội về HTX;
- Sự hợp tác của các tổ chức kinh tế, các DN trong nền kinh tế với HTX;
- Trách nhiệm của chính quyền địa phương với HTX trên địa bàn;
- Hiểu biết và sự hưởng ứng của người nông dân trên địa bàn với HTX về những sản phẩm dịch vụ mà HTX tạo ra

II. Cơ chế ảnh hưởng của các nhân tố nội sinh, ngoại sinh đến các loại hình hoạt động dịch vụ của HTX

2.1. Đối với dịch vụ tín dụng nội bộ trong HTX.

Đến tháng 6 năm 2008 cả nước có 606 HTX đã tổ chức hoạt động tín dụng nội bộ, chiếm 7,3 % số HTX nông nghiệp cả nước (606/8.400HTX). Những HTX này đã thực hiện huy động vốn nhàn rỗi ở một bộ phận hộ xã viên và cho một bộ phận xã viên khác vay, từ đó tạo ra sự luân chuyển tiền nhà rỗi trong HTX và phát huy tác dụng tích cực của chúng.

2.1.1. Ảnh hưởng của nhóm nhân tố nội sinh.

a.Nhu cầu vay vốn của các xã viên trong HTX.

Trong điều kiện hiện nay, nhu cầu về vốn của xã viên là rất lớn và thường xuyên để đầu tư theo yêu cầu của sản xuất (mua cây, con giống, phân bón, thuốc trừ sâu, dịch bệnh, chi phí làm đất, xây dựng chuồng trại chăn

nuôi...). Nhu cầu này đã dẫn tới hình thành những “khách hàng nội bộ” của hoạt động tín dụng đặt ra trước mỗi HTX, là nhân tố nội sinh thúc đẩy sự hình thành hoạt động tín dụng trong HTX.

b. Nhu cầu gửi tiền nhàn rỗi ở một bộ phận xã viên.

Trong HTX lúc nào cũng có một bộ phận xã viên không sử dụng hết tiền kiếm được trong sản xuất - kinh doanh, có nhu cầu gửi tiết kiệm, lượng tiền này ngày càng gia tăng theo thời gian sản xuất - kinh doanh của hộ. Nếu không gửi tiết kiệm họ có thể sử dụng vào tiêu sài vô ích và có thể đem cho vay nặng lãi hoặc đầu tư vào những hoạt động kinh doanh nhiều rủi ro. Nếu HTX mở ra dịch vụ gửi tiền thì HTX là địa chỉ gửi và rút tiền dễ dàng, thuận lợi.

Những nhân tố trên đây cùng thôi thúc xã viên đồng lòng, nhất trí hình thành hoạt động gửi tiền và cho vay trong nội bộ HTX với sự tham gia tích cực của các xã viên có tiền nhàn rỗi và những xã viên có nhu cầu vay vốn.

c. Năng lực chuyên môn của xã viên tham gia quản lý hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động kinh tế có điều kiện, đòi hỏi những người thực hiện phải có trình độ chuyên môn sâu về quản lý tín dụng để có thể thực hiện đúng các nguyên tắc về huy động và cho vay, tránh rủi ro. Chính vì vậy, HTX muốn tổ chức thành công hoạt động này thì phải có đội ngũ nhân viên tín dụng có chuyên môn, không thể chỉ bằng nhiệt tình mà có thể thực hiện thành công, đặc biệt khi quy mô vốn huy động và vốn cho vay tăng lên.

Hiện tại, đội ngũ nhân viên triển khai hoạt động tín dụng trong các HTX nông nghiệp chủ yếu là Chủ nhiệm HTX, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và một vài xã viên được cử ra đảm nhiệm. Hầu hết những cá nhân này chưa có kiến thức tín dụng, năng lực triển khai thấp và phải làm kiêm với những công việc khác. Có khoảng 30% nhân viên tín dụng trong HTX chưa được đào tạo và chưa có kiến thức tín dụng, khoảng 56% nhân viên chỉ mới tham gia hoạt động này dưới 5 năm, kinh nghiệm còn rất non yếu.

Chính vì vậy, hoạt động tín dụng trong HTX nông nghiệp thời gian qua chưa chuyên nghiệp, chỉ là hoạt động bổ sung, chưa xứng tầm với vai trò của nó.

d. Cơ sở vật chất của hoạt động tín dụng.

Để triển khai hoạt động tín dụng mỗi HTX cần có cơ sở vật chất chuyên dùng nhất định, đó là kết đọng tiền gửi, máy tính để theo dõi sự vận động của các dòng tiền, quầy giao dịch với khách hàng, phương tiện di chuyển (xe, máy) để giúp nhân viên tín dụng tiếp cận người gửi tiền và người vay tiền khi cần.

Thực trạng hiện tại là: (i). Về kết cấu đọng tiền, số lượng HTX có kết cấu chỉ chiếm 58%, còn lại 42% chưa có. Những HTX chưa có kết đọng tiền không dám mở rộng huy động vốn vì sẽ gặp phải nguy cơ mất an toàn trong bảo quản tiền huy động, từ đó hạn chế hoạt động mở rộng tín dụng trong HTX; (ii). Về tổ chức giữ và bảo quản hồ sơ tín dụng, bao gồm các hợp đồng và khế ước gửi tiền, vay vốn vẫn đang còn 12% số HTX chưa có. Sự thiếu hụt tổ đọng hồ sơ tín dụng đang gây ra khó khăn đáng kể cho HTX trong việc gìn giữ các hợp đồng gửi tiền và cho vay, dẫn đến rủi ro khi bị mất hồ sơ.

Có thể đánh giá rằng, nhân tố cơ sở vật chất đang hạn chế đáng kể sự thành công của hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX, gây khó khăn cho những xã viên làm tín dụng và tạo ra nguy cơ rủi ro cho hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX.

đ. Khả năng mở rộng quy mô thị trường tín dụng nội bộ trong HTX.

Hình thành trên 2 khía cạnh; một là, quy mô về số lượng xã viên ở từng HTX; hai là, mức độ tiền nhàn rỗi có được ở từng hộ xã viên và lòng tin của từng xã viên vào hoạt động tín dụng của HTX.

Thực trạng về xã viên HTX nông nghiệp hiện nay cho thấy, những HTX thành lập trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, nay đã chuyển đổi để hoạt động theo luật HTX thường là những HTX có từ khoảng vài trăm đến vài ngàn xã viên. Nhưng phần lớn xã viên nghèo, tiền nhàn rỗi ít dẫn tới khả năng gửi tiền hạn chế. Trong khi đó số lượng xã viên có nhu cầu vay tiền lại đông. Vì vậy các HTX này khó huy động vốn để làm tín dụng nội bộ. Nói cách khác là tín dụng nội bộ HTX bị hạn chế bởi nhân tố tạo vốn.

Trong khi đó, bộ phận HTX mới thành lập thường có số xã viên ít, khoảng một chục tới vài chục xã viên là tối đa. Xã viên ở những HTX này thường có kinh tế khá giả, có đủ vốn đầu tư nên nhu cầu vay vốn không nhiều. Do vậy những HTX này cũng khó hình thành và phát triển hoạt động tín dụng nội bộ.

Sự kết hợp hai nhóm HTX trên đây trong một tổ chức Liên hiệp HTX có thể sẽ là con đường khắc phục các nhân tố hạn chế ở cả hai nhóm HTX để phát triển tín dụng nội bộ HTX

2.1.2. Ảnh hưởng của nhóm nhân tố ngoại sinh.

Nhóm nhân tố ngoại sinh thường ảnh hưởng nhiều đến vận hành hoạt động tín dụng, nhóm này gồm có các nhân tố sau

a. Nhân tố luật pháp, chính sách.

Luật pháp, chính sách là những nhân tố nằm ngoài HTX do Nhà nước thực hiện. Nhà nước ban hành Luật HTX và các chính sách hỗ trợ HTX mở mang hoạt động tín dụng nội bộ. Ở Việt Nam Điều 3 Luật HTX năm 2003 đã quy định về chính sách của Nhà nước đối với HTX¹. Trên cơ sở đó Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2005/ NĐ-CP ngày 11/7/2005 về một số chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển HTX. Trên cơ sở Nghị định này, Ngân hàng Nhà nước đã ra Thông tư số 06/2004/TT-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2004 hướng dẫn hoạt động tín dụng nội bộ hợp tác xã và sau đó ra tiếp Thông tư số 04/2007/TT- NHNN ngày 13 tháng 6 năm 2007 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06.

Hai Thông tư nói trên đã tạo ra căn cứ pháp lý để các HTX nông nghiệp hình thành và phát triển hoạt động dịch vụ tín dụng nội bộ. Nhờ đó mà các HTX nông nghiệp đã triển khai được hoạt động tín dụng nội bộ, từ đó ảnh hưởng tích cực tới hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX, đáp ứng đúng nguyện vọng của đông đảo xã viên.

b. Nhân tố hỗ trợ và tạo điều kiện của Chính quyền địa phương (huyện, xã) đối với tín dụng nội bộ trong HTX.

¹ Điều a Khoản 1 Điều 3, Luật HTX năm 2003 quy định về các chính sách nhà nước đối với HTX bao gồm: đào tạo cán bộ; phát triển nguồn nhân lực; đất đai; tài chính; *tín dụng*; xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển HTX; áp dụng khoa học và công nghệ; tiếp thị và mở rộng thị trường; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tạo điều kiện để HTX tham gia các chương trình phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước

Phần lớn những HTX tổ chức thành công hoạt động tín dụng nội bộ hiện nay đều phải nhờ sự giúp đỡ, tạo điều kiện của chính quyền địa phương, trước hết là Đảng ủy và UBND cấp xã, cụ thể: Cho HTX mượn phòng để kết tiền và sổ sách, nơi giao tiếp với xã viên gửi tiền và vay tiền; giúp đảm bảo an ninh cho hoạt động này; tạo niềm tin trong xã viên tham gia tín dụng nội bộ thông qua tuyên truyền pháp luật và giải thích lợi ích của hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX.

Sự hỗ trợ của Chính quyền địa phương không đồng nghĩa với sự can thiệp trái luật HTX của quan chức chính quyền vào hoạt động này.

2.2. Đối với dịch vụ vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

2.2.1. Ảnh hưởng của các nhân tố nội sinh.

a. Nhân tố mối quan hệ của HTX với các tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất hoặc kinh doanh các loại vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp (vốn xã hội của HTX).

HTX muốn mua các loại vật tư cho sản xuất nông nghiệp có chất lượng và với giá rẻ nhất thì HTX phải tạo dựng được quan hệ với các nguồn hàng có tín nhiệm để ký hợp đồng mua thường xuyên và có đảm bảo về khối lượng, chất lượng

Khi HTX hình thành được các mối quan hệ bền vững với các tổ chức kinh doanh vật tư theo hướng trên thì nhân tố này sẽ đảm bảo cho dịch vụ của HTX có chất lượng cao và đáp ứng đúng yêu cầu của xã viên.

b. Nhân tố khả năng tài chính để thanh toán vật tư cần mua.

Để mua được vật tư rõ ràng HTX phải có tiền để trả cho tổ chức, cá nhân bán vật tư theo hợp đồng đã ký. Đối với nhiều HTX nhân tố tiền mặt hiện đang là khó khăn, cản trở sự tiếp cận của HTX đối với các loại vật tư, nhất là khi tổ chức bán vật tư đòi hỏi phải trả tiền ngay sau khi giao nhận hàng.

Trong thực tiễn triển khai dịch vụ này rất ít HTX sử dụng được kênh tín dụng ngân hàng để có đủ tiền mua vật tư, hoặc nếu tiếp cận được thì gặp phải khó khăn về lãi suất vay cao, làm tăng giá vật tư và không hấp dẫn xã viên sử dụng.

c. Nhân tố nhân lực trực tiếp triển khai hoạt động dịch vụ vật tư.

Rõ ràng là HTX phải có được đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp đủ năng lực thực hiện tốt công việc trong hoạt động cung ứng vật tư như: (i). Nắm bắt đúng nhu cầu của từng hộ xã viên về số lượng, chất lượng từng loại vật tư; (ii). Đề ra được cơ chế thanh toán phù hợp với khả năng về tiền mặt và thời điểm thanh toán của xã viên; (iii). Biết cách tiếp cận các tổ chức, cá nhân có nguồn vật tư chất lượng tốt, giá rẻ và tin cậy; (iv). Biết đàm phán và ký hợp đồng có lợi cho HTX.

Tình trạng của nhiều HTX hiện nay là, thiếu nhân lực có chuyên môn cao để triển khai hoạt động dịch vụ vật tư có hiệu quả; cơ chế vận hành của hoạt động dịch vụ vật tư chưa chuyên nghiệp; các chi phí trong triển khai hoạt động này chưa được quy định rõ ràng và công khai hóa; chưa có quy định nội bộ về “xã viên là khách hàng thường xuyên của hoạt động dịch vụ này”; chưa có chế tài xử lý nợ khê đọng của xã viên đã sử dụng vật tư với nhiều lý do như thiên tai, rủi ro tiêu thụ sản phẩm; chưa tạo được giá dịch vụ cạnh tranh mạnh với các thành phần kinh tế khác trên địa bàn...

2.2.2. Các nhân tố ngoại sinh.

a. Nhân tố hỗ trợ của các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.

Sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về triển khai các chính sách của Nhà nước đối với HTX để giảm chi phí, tạo ra giá dịch vụ vật tư hấp dẫn xã viên là rất quan trọng. Các cơ quan tài chính chưa thực sự triển khai các chính sách ưu đãi về thuế, phí cho HTX như đã quy định trong Nghị định số 88/2005/ NĐ-CP ngày 11/7/2005 về chính sách miễn, giảm thuế thu nhập DN đối với HTX thực hiện các hoạt động này². Nói cách khác, chính sách miễn giảm thuế đối với các hoạt động dịch vụ của HTX chưa trở thành điều kiện mạnh, đủ sức tạo lợi thế cho HTX trong thực hiện dịch vụ vật tư trong điều kiện cạnh tranh hiện nay

b. Nhân tố trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc tạo dựng thị trường vật tư nông nghiệp lành mạnh trên địa bàn.

² Điều 6 Nghị định số 88 quy định về chính sách thuế như sau:

1. Hợp tác xã được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của xã viên theo quy định của pháp luật về Thuế;
2. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp ngoài được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tạo ra từ hoạt động dịch vụ trực tiếp phục vụ đời sống xã viên.

Ở nhiều vùng nông thôn hiện nay, tình trạng tư nhân tham gia kinh doanh vật tư nông nghiệp khá phổ biến, tạo ra sức ép cạnh tranh mạnh đối với HTX. Một mặt, tạo ra sự lựa chọn lớn hơn cho hộ nông dân nói chung và tạo ra thị trường vật tư cạnh tranh. Nhưng đồng thời nảy sinh nhiều mặt tiêu cực phổ biến, đó là tình trạng buôn bán vật tư kém chất lượng, vật tư không rõ nguồn gốc và vật tư giả, tạo ra thị trường vật tư nông nghiệp không minh bạch về chất lượng và méo mó về giá cả³.

Trong điều kiện đó, trách nhiệm của Chính quyền cơ sở (huyện, xã) hầu như rất hạn chế, nếu không nói rằng chưa có gì. Sự sao nhãng về trách nhiệm kiểm soát Nhà nước đối với thị trường vật tư nông nghiệp đã ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động dịch vụ vật tư của HTX. HTX sẽ không thể cạnh tranh với tư thương trong điều kiện như vậy, bởi chính hộ nông dân xã viên đang ham mua vật tư giá rẻ, chất lượng thấp trên thị trường và không mua vật tư từ dịch vụ của HTX.

Những nhân tố ngoại sinh trên đây đang ảnh hưởng tích cực và tiêu cực tới hoạt động dịch vụ vật tư đầu vào của HTX nông nghiệp. Vấn đề quan trọng là Chính quyền địa phương cần thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước đối với thị trường vật tư trên địa bàn để tạo ra sự ảnh hưởng tích cực, hỗ trợ HTX phát huy được lợi thế trong triển khai hoạt động này.

2.3. Đối với dịch vụ làm đất.

Đây là dịch vụ quan trọng mà HTX cần thực hiện với xã viên. Trong thời gian qua hoạt động làm đất đã được cơ giới hóa, chuyển sức kéo của trâu, bò sang sử dụng máy móc thiết bị cơ giới để đáp ứng yêu cầu nhu cầu làm đất của xã viên. Các nhân tố tác động tới sự hình thành và triển khai dịch vụ này gồm.

2.3.1 Các nhân tố nội sinh.

Đó là các nhân tố tạo ra nguồn lực và khai thác nguồn lực đó vào hoạt động làm đất cho các xã viên sản xuất nông nghiệp, cụ thể là

³ Báo Nhà báo và công luận số 33 ra ngày từ 14 đến 20/8/2009 đã nhận xét “ Nông thôn VN, nơi có tới 75% dân số VN, nhưng đang là thị trường màu mỡ nuôi dưỡng nạn hàng giả, hàng nhái, hàng quá đắt, hàng kém chất lượng.

a. Khả năng của Ban quản trị HTX trong tổ chức xã viên sử dụng dịch vụ máy làm đất

Yêu cầu quan trọng là, HTX phải tổ chức được các xã viên cùng nhau lựa chọn phương thức cơ giới hóa khâu làm đất thông qua thuê dịch vụ này từ thị trường hoặc cùng nhau mua sắm và sử dụng chung máy móc, thiết bị làm đất. Nếu xã viên quyết định phương thức thuê dịch vụ làm đất thì Ban quản trị phải đứng ra liên hệ thuê tổ chức cung cấp dịch vụ này để có được giá làm đất có lợi nhất. Nếu xã viên lựa chọn phương thức mua máy để tự làm đất thì Ban quản trị phải đủ năng lực tổ chức cả khâu mua máy và hình thành đội máy làm đất để thực hiện dịch vụ này;

b. Khả năng của Ban quản trị trong soạn thảo quy chế sử dụng dịch vụ và thanh toán chi phí làm đất.

Đòi hỏi Ban quản trị HTX phải tạo ra sự đồng thuận trong xã viên về sử dụng và trả tiền cho dịch vụ này. Nếu xã viên quyết định tự mua sắm máy móc, thiết bị làm đất thì Ban quản trị HTX phải tổ chức được các công việc: mua sắm, chăm sóc, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị làm đất để triển khai dịch vụ này với chi phí thấp nhất (phải thấp hơn giá thuê dịch vụ này).

Vấn đề khó nhất trong việc tự tổ chức dịch vụ làm đất là HTX phải huy động được nguồn vốn đủ để mua sắm máy móc, thiết bị làm đất. Tiếp đó là phải kiểm soát được các chi phí để có được giá dịch vụ tốt nhất, rẻ nhất cho xã viên và quản lý được khâu vận hành, bảo dưỡng, duy tu thiết bị làm đất.

Những HTX đủ năng lực tự tổ chức được dịch vụ này sẽ chủ động trong tổ chức sản xuất nông nghiệp ở tất cả các xã viên và phát huy tốt nhất vai trò của nó với xã viên

2.3.2. Các nhân tố ngoại sinh.

a. Thị trường cung cấp dịch vụ làm đất.

Nếu tại nơi HTX hoạt động đã hình thành thị trường dịch vụ làm đất thì HTX có thể thuê được dịch vụ này. Nếu thị trường này chưa hình thành thì HTX không thể mua được dịch vụ. Vì vậy, ở những nơi chưa hình thành thị trường này thì HTX phải nỗ lực để có thể tự tổ chức việc mua sắm máy

móc, thiết bị làm đất và tổ chức cung ứng dịch vụ làm đất cho xã viên. Trong trường hợp này sự hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX trong việc mua sắm máy móc, thiết bị làm đất là nhân tố ngoại sinh tích cực giúp HTX đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị cho dịch vụ làm đất

b. Năng lực của HTX trong việc ký hợp đồng thuê dịch vụ làm đất.

Đối với các HTX mà xã viên quyết định thuê dịch vụ làm đất thì nhân tố năng lực của Ban quản trị trong lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ, đàm phán về giá, chất lượng và các điều kiện khác đối với dịch vụ làm đất đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả của dịch vụ này.

Ngoài ra Ban quản trị HTX còn phải có đủ năng lực xử lý các tranh chấp giữa xã viên với các chủ máy làm đất về chất lượng dịch vụ để tạo ra mối quan hệ bền vững với các chủ thể này, đảm bảo dịch vụ làm đất thuê được lâu dài.⁴

c. Hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương (UBND huyện, xã) đối với thị trường dịch vụ làm đất trên địa bàn

Nếu chính quyền địa phương buông lỏng quản lý nhà nước, để cho thị trường này hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, làm cho giá cả dịch vụ làm đất tăng giảm không đúng theo chi phí, ảnh hưởng tiêu cực tới người hưởng dịch vụ và làm cho thị trường dịch vụ này trở nên méo mó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động dịch vụ làm đất của HTX.

Thực tế những năm vừa qua cho thấy, hoạt động dịch vụ làm đất của các HTX đang gặp nhiều khó khăn, cản trở. Tỷ lệ HTX tự tổ chức được dịch vụ làm đất mới đạt là 17% tổng số HTX⁵

2.4. Đối với dịch vụ thủy lợi

Dịch vụ này có mục đích đảm bảo tưới và tiêu nước theo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp của xã viên. Để triển khai được dịch vụ này HTX cần tới sự vận hành của hệ thống kênh mương thủy lợi dùng chung trên địa bàn. Hiện nay có hai loại công trình thủy lợi, đó là: (i). Loại hình công trình thủy

⁴ Nguồn: Tài liệu khảo sát về “Kinh nghiệm hoạt động của 1 số HTX”; Chủ biên TS Chu Tiến Quang - VNCQLKTTW 2003.

⁵ Nguồn: Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ “Đánh giá hiện trạng, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển HTX kiểu mới trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam” Chủ nhiệm: Chu Thị Hào; Hà Nội 2005.

lợi lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng và (ii). Loại hình công trình thủy lợi nhỏ do HTX và các xã viên tự xây dựng, phần lớn hệ thống này phân bố ở các vùng sản xuất phân tán, vùng sâu, xã Nhà nước chưa có điều kiện đầu tư.

Đặc điểm trên đây đã tạo ra những nhân tố ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động dịch vụ của HTX đối với xã viên về thủy lợi. Cụ thể bao gồm:

2.4.1. Các nhân tố nội sinh.

Đối với những HTX tự xây dựng công trình thủy lợi thì các nhân tố nội sinh có ảnh hưởng bao gồm:

a. Năng lực của HTX trong việc huy động xã viên bỏ tiền và công sức để xây dựng công trình cấp nước (tạo nguồn) và phân phối nước tới ruộng của từng xã viên (kênh mương nội đồng).

Nhân tố này thường gây ra thách thức đối với rất nhiều HTX hiện nay vì đòi hỏi lượng vốn đầu tư rất lớn, HTX phải trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Khi chưa có vốn hỗ trợ thì HTX không thể triển khai dịch vụ thủy lợi

b. Năng lực của HTX trong vận hành, khác thác, duy tu và bảo dưỡng công trình.

Nhân tố này tạo ra thách thức lớn đối với các HTX khi công trình bị xuống cấp, có thể dẫn đến phá sản nếu HTX không đủ năng lực tổ chức duy tu bảo dưỡng công trình.

Đối với những HTX được Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

a. Năng lực của HTX trong sử dụng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh mương nội đồng và trong vận hành, khai thác.

Nhân tố này ảnh hưởng theo hướng đặt ra đòi hỏi HTX phải đủ năng lực để triển thu hút xã viên cùng tham gia vào duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng trong suốt quá trình khai thác, sử dụng công trình.

b. Khả năng thu đủ thủy lợi phí từ các hộ dùng nước để trang trải các chi phí về điện và quản lý phí trong phân phối nước

Nhân tố này đòi hỏi Ban quản trị HTX phải tổ chức được phân phối nước cho đồng ruộng của từng xã viên và thu phí theo đúng mức nước đã sử dụng, đảm bảo tính minh bạch và công bằng giữa các hộ sử dụng nước. Những năm gần đây Nhà nước có chính sách miễn, giảm thủy lợi phí cho nông dân đến công trình đầu mối, từ đó đã giảm trách nhiệm thu tiền bơm nước từ hộ xã viên để trả cho các công ty thủy nông⁶. Chính sách này tạo ra lợi thế cho HTX trong dịch vụ thủy lợi, nhưng lại gặp khó khăn mới là làm sao phân phối công bằng nguồn nước luôn bị hạn chế do việc bơm nước ở đầu nguồn không đủ và tình trạng hộ xã viên chưa nhất trí trả thủy lợi phí nội đồng (là phần chi phí vẫn xảy ra trong quá trình phân phối nước đến ruộng của từng hộ xã viên, rất nhiều HTX đang lúng túng trong vấn đề này).

Trong cả hai trường hợp trên đây, HTX muốn thực hiện tốt được dịch vụ thủy lợi thì điều kiện bắt buộc là HTX có đội ngũ công nhân vận hành máy móc được đào tạo cơ bản và hình thành được tổ thủy nông chuyên nghiệp có kỹ năng và tinh thần trách nhiệm cao; HTX phải có nguồn vốn đủ đảm bảo duy trì, bảo dưỡng máy móc, nạo vét kênh mương thường xuyên (do chưa được cứng hóa); tổ chức thực hiện tốt hợp đồng đầu vào với công ty thủy nông và đầu ra với xã viên.

Xã viên với tư cách là khách hàng sử dụng nước do HTX phân phối phải có ý thức thanh toán sòng phẳng phí dịch vụ thủy lợi cho HTX. Thực tế khi triển khai dịch vụ này, HTX thường phải ứng trước các chi phí thủy lợi, cuối vụ mới thu tiền của xã viên và những hộ dùng nước. Một số hộ xã viên thường trả chậm hoặc không trả thủy lợi phí làm cho HTX bị thất thu. Hệ thống kênh mương (bằng đất) lâu ngày xuống cấp, rò rỉ, thấm lậu, mất nước vô ích, HTX phải bỏ vốn đầu tư để sửa chữa, nạo vét làm phát sinh thêm chi phí trong khi thủy lợi phí thu về chưa đủ.

Những biến động về thời tiết (úng, lụt) dẫn tới nhu cầu về tiêu nước nhiều hơn dự kiến đang là những nhân tố ngoài dự kiến làm tăng chi phí.

2.4.2. Các nhân tố ngoại sinh.

⁶ Giảm trách nhiệm thu tiền nước tưới đồng nghĩa với cắt bỏ tình trạng nợ đọng thủy lợi phí ở các hộ xã viên đã xảy ra thường xuyên trong thời gian qua và tình trạng HTX lạm dụng tiền thủy lợi phí của xã viên, không nộp ngay cho công ty thủy nông đã thực hiện bơm nước cho HTX

Đối với các HTX không được nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi thì nhân tố ngoại sinh chính là:

a. Có hay không có sự hỗ trợ tài chính để xây dựng công trình

Nhân tố này đặt ra câu hỏi về vốn đầu tư để HTX xây dựng công trình này sẽ do ai, tổ chức nào hỗ trợ, vì thiếu hỗ trợ này nhiều HTX đã không thể thực hiện được dịch vụ thủy lợi cho hộ xã viên;

b. Có hay không có nguồn nước tự nhiên (sông, suối, hồ chứa...) nằm gần nơi HTX hoạt động.

- Nhân tố này phản ánh trong trường hợp không có nguồn nước tự nhiên tại chỗ thì HTX và các xã viên không thể tổ chức dịch vụ thủy lợi.

- Xu hướng cạn dần nguồn nước tự nhiên, trong khi giá điện ngày càng tăng làm cho chi phí tạo nguồn tăng lên đang ảnh hưởng tiêu cực tới vai trò của HTX đối với hộ xã viên trong hoạt động thủy lợi

Đối với các HTX được nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đầu mối và được áp dụng chính sách miễn giảm thủy lợi phí

a. Làm giảm chí phí trong tổ chức hoạt động dịch vụ thủy lợi của HTX đối với hộ xã viên

Chính sách đầu tư của Nhà nước vào xây dựng công trình thủy lợi đã giúp các HTX giảm nhiều chi phí trong việc đầu tư xây dựng công trình, mang lại lợi ích to lớn đối với xã viên ở những HTX này, nhưng tạo ra bất bình đẳng đối với những xã viên ở các HTX không được Nhà nước đầu tư xây dựng công trình

Chính sách miễn, giảm thủy lợi phí đem lại lợi ích trực tiếp cho các hộ xã viên và nông dân sử dụng nước, nhưng tạo ra bất bình đẳng đối với những hộ nông dân không tiếp cận được nguồn nước mà nhà nước áp dụng chính sách này.

b. Gây ra sự nhầm lẫn trong nhận thức giữa các HTX về chi phí thủy lợi

Nếu nhận thức thủy lợi phí là chi phí sản xuất thì việc trả tiền sử dụng nước phải được tính vào chi phí sản xuất và việc Chính phủ đầu tư xây dựng

công trình thủy lợi không phải là cho không, mà là cho vay, người sử dụng phải hoàn trả để giảm thiểu tư tưởng ỷ nại vào nhà nước và không tạo ra méo mó về chi phí sản xuất nông nghiệp giữa các vùng được nhà nước đầu tư với vùng không được nhà nước đầu tư và không có chính sách miễn, giảm thủy lợi phí

Về lâu dài sẽ làm ảnh hưởng xấu tới tính bền vững của hoạt động dịch vụ thủy lợi trong các HTX được hưởng lợi từ chính sách đầu tư xây dựng công trình và chính sách miễn, giảm thủy lợi phí.

Làm mất đi ý thức chăm sóc, tu bổ công trình thủy lợi, vì cho rằng công trình thuộc về sở hữu nhà nước, không có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ từ đó dẫn đến công trình xuống cấp và không sử dụng được lâu dài.

Gây ra khác biệt về chi phí thủy lợi giữa các HTX và tạo ra chênh lệch về giá dịch vụ thủy lợi giữa các HTX, ảnh hưởng xấu tới hiệu quả hoạt động dịch vụ thủy lợi ở các HTX được Nhà nước đầu tư và HTX không được Nhà nước đầu tư .

Tỷ lệ HTX nông nghiệp thực hiện hoạt động thủy lợi cho xã viên chiếm tới 97%⁷

2.5. Đối với dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

Công việc bảo vệ cây trồng, vật nuôi đòi hỏi phải mang tính cộng đồng mà từng hộ xã viên không tự xử lý, giải quyết được. Ở đây đã nổi lên vai trò của HTX đối với xã viên. Các HTX nông nghiệp đều đã thành lập đội bảo vệ thực vật có trách nhiệm kiểm tra, dự báo tình hình sâu bệnh trên địa bàn; hướng dẫn xã viên sử dụng thuốc hóa học và các biện pháp hữu hiệu khác để phòng trừ sâu bệnh phá hoại mùa màng. HTX cần phải lưu ý những nhân tố sau

2.5.1 Các nhân tố nội sinh gồm

a. Nhận thức của xã viên về tính tất yếu phải hành động tập thể trong bảo vệ cây trồng, vật nuôi để bảo tồn kết quả sản xuất cuối cùng của tất cả các những người cùng sản xuất trên một vùng

⁷ Nguồn đã dẫn số 12

Chứng nào xã viên chưa hiểu được ý nghĩa tập thể của công tác này, thì chứng đó HTX rất khó khăn trong triển khai và thu phí dịch vụ này, nhất là đòi hỏi sản xuất theo GAP

b. Quy mô sản xuất của các hộ xã viên.

Các hộ xã viên có quy mô nhỏ thường không quan tâm đến công tác này, họ coi nhẹ và ít khi sẵn lòng trả phí cho dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

Ngược lại những hộ xã viên sản xuất quy mô lớn sẽ rất nhanh chóng quan tâm đến dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Vì vậy, HTX cần lưu tâm trước hết đến các hộ xã viên sản xuất quy mô trung bình và lớn trong HTX để tổ chức hoạt động dịch vụ này.

2.5.2 Các nhân tố ngoại sinh gồm.

a. Tình trạng quan hệ của HTX với cơ quan bảo vệ thực vật, thú y chuyên môn trên địa bàn

Nhân tố này ảnh hưởng mạnh tới khả năng tổ chức dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi của HTX, vì HTX không thể tự làm được thuốc, hóa chất và phương thức sử dụng các loại vật tư này

Muốn tổ chức tốt dịch vụ này, HTX cần thường xuyên quan hệ với các cơ quan bảo vệ thực vật, thú y chuyên môn trên địa bàn để hợp đồng về vật tư, máy phun thuốc, và tập huấn cho xã viên kiến thức bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

b. Thông tin thường xuyên về bệnh dịch cây trồng, vật nuôi tới các xã viên.

Nhân tố này sẽ tạo ra nhận thức đúng của xã viên về dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi, bao gồm các hoạt động: in tài liệu và mở các lớp học về chương trình phòng trừ dịch hại đến tận xã viên, đánh giá đúng hiệu quả của dịch vụ và thanh toán đầy đủ chi phí khi sử dụng dịch vụ của HTX.

c. Tính tự phát của người nông dân.

Nhân tố này nảy sinh từ tình trạng sản xuất nhỏ của các hộ nông dân, chưa hiểu biết về nguy cơ dịch bệnh dẫn đến phát sinh dịch bệnh gây thiệt hại cho họ.

Nếu như HTX không quan tâm đầy đủ đến nhân tố này thì các hộ xã viên sẽ không biết cách tổ chức dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi trên cơ sở nhận thức của từng nhóm xã viên. Một số HTX thực hiện hoạt động bảo vệ cây trồng, vật nuôi theo nguyên tắc "mất đâu đền đó". Đội bảo vệ cây trồng, vật nuôi xây dựng qui chế nội bộ, thông qua Đại hội xã viên để triển khai có kết quả

d. Triển khai qui định về sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) của chính quyền đại phương

Nhân tố này thúc đẩy xã viên HTX tự giác sản xuất theo quy trình nông nghiệp sạch và thân thiện môi trường để có sản phẩm không gây hại sức khỏe người tiêu dùng. Từ đó hỗ trợ cho HTX thực hiện có hiệu quả hơn hoạt động dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi đối với sản xuất của xã viên.

Tỷ lệ HTX đã thực hiện được các dịch vụ liên quan đến bảo vệ cây trồng, vật nuôi là: cây trồng 61%; vật nuôi là 21,2%. Việc gia tăng dịch vụ này là chức năng rất cơ bản của HTX và sẽ nâng cao vai trò của HTX với kinh tế xã viên⁸

2.6. Đối với hoạt động dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho xã viên

Trong sản xuất hàng hóa nông nghiệp vấn đề tiêu thụ sản phẩm có vị trí quyết định sự thành công của toàn bộ quá trình sản xuất. Từng xã viên có thể thực hiện cả hai hoạt động này ở quy mô gia đình, nhưng phương thức chế biến và tiêu thụ mang tính thủ công, nhỏ, lẻ, chất lượng thấp không tạo khối lượng sản phẩm lớn theo yêu cầu của khách hàng, nhất là đối với thị trường xuất khẩu. Các HTX nông nghiệp trên thế giới đã thực hiện vai trò này một cách rất thành công với thời gian tích lũy lên tới hàng trăm năm và tiếp tục phát triển lâu dài

Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động này, gồm:

⁸ Nguồn đa dẫn số 12

2.6.1. Đối với hoạt động chế biến nông sản

2.6.1.1. Các nhân tố nội sinh.

Để triển khai hoạt động chế biến nông sản đòi hỏi HTX phải đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật đồng bộ, đủ điều kiện để triển khai các hoạt động chế biến tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao. Để có được hoạt động chế biến nông sản mang tính chuyên nghiệp, có trình độ công nghệ cao thì HTX phải trải qua một giai đoạn “tập dượt” và “tích lũy” năng lực chế biến từ thấp đến cao, từ chế biến giản đơn (thô) đến chế biến phức tạp (chế biến sâu) trong thời gian khá dài. Các nhân tố nội sinh bao gồm

a. Sự đồng thuận của xã viên về tổ chức chế biến nông sản.

Nhân tố này phản ánh đòi hỏi các hộ xã viên phải cùng nhau tham gia tổ chức hoạt động chế biến tập thể trong khuôn khổ HTX. Đó là sự đồng thuận về phương pháp chế biến, chất lượng, mẫu mã sản phẩm chế biến, giá cả và phân chia lợi ích .

Nhân tố này quyết định sự thành bại của hoạt động chế biến mà Ban quản trị HTX sẽ đứng ra tổ chức và triển khai, thiếu sự đồng thuận của xã viên, chắc chắn HTX sẽ không thể triển khai được hoạt động này

b. Cơ sở vật chất, kỹ thuật đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu chế biến, đóng gói, lưu giữ và vận chuyển sản phẩm có chất lượng cao

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi HTX phải có đủ thiết bị, máy móc để triển khai hoạt động chế biến theo quy trình thích hợp, đáp ứng các yêu cầu của thị trường. Trường hợp tự HTX chưa hội đủ các điều kiện cần thiết thì HTX phải thuê chuyên gia tư vấn về kinh tế, kỹ thuật và thuê máy móc, thiết bị.

c. Chất lượng nguồn nhân lực đủ khả năng tổ chức hoạt động chế biến tập trung trong HTX.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi HTX phải có được đội ngũ nhân viên thực hành chế biến hiểu rất rõ các kỹ thuật, quy trình chế biến đảm bảo tạo ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu khách hàng đã lựa chọn.

Các công đoạn chế biến, bảo quản, đóng gói và vận chuyển sản phẩm đã chế biến phải được thực hiện một cách rất chuyên nghiệp.

d. Có vùng sản xuất nguyên liệu mang tính chuyên môn hóa, ổn định, chất lượng đồng đều đảm bảo chế biến ra những sản phẩm với khối lượng lớn và chất lượng cao.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi HTX phải quy hoạch được vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, tổ chức được công tác chuyển giao kỹ thuật (giống, quy trình sản xuất...) đến các xã viên để họ sản xuất theo một quy trình thống nhất, tạo sản phẩm có độ đồng đều cao và khối lượng đủ đáp ứng cho quy mô chế biến;

đ. Mức độ liên kết, hợp tác với các tác nhân có ảnh hưởng tới quá trình chế biến nông sản như các cá nhân, tổ chức cung ứng các vật tư, nhiên liệu, điện, nước.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi các HTX phải biết tổ chức hợp tác, liên kết với các DN, tổ chức kinh tế và các chuyên gia tư vấn về chế biến nông sản. Bên cạnh đó phải biết cách thu hút đầu tư vào trang thiết bị chế biến và cơ sở kho tàng bảo quản sản phẩm. *2.6.1.2. Các nhân tố ngoại sinh*

Hoạt động chế biến nông sản của HTX chịu ảnh hưởng của các nhân tố ngoại sinh sau

a. Nắm bắt đúng nhu cầu và thị hiếu của khách hàng.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi HTX phải biết cách nắm bắt nhu cầu thị trường về sản phẩm chế biến mà HTX sẽ làm. Trong điều kiện nhu cầu xã hội rất đa dạng và phân khúc rất mạnh theo khu vực thì việc nắm bắt nhanh và đúng nhu cầu nông sản chế biến là một thách thức lớn đối với HTX, nhất là nhu cầu tiêu dùng nông sản của xã hội Việt Nam lại đang hướng mạnh vào các sản phẩm tươi sống.

Các HTX rất khó khăn trong việc tổ chức chế biến nông sản cho thị trường nội địa với sức cầu thấp, để chế biến cho thị trường nước ngoài thì HTX chưa đủ năng lực về công nghệ, thiết bị cũng như tổ chức cung cấp nguyên liệu phù hợp.

b. Thiết bị chế biến nông sản phù hợp với điều kiện đầu tư hạn chế của HTX

Nhiều HTX muốn trang bị những thiết bị chế biến không quá hiện đại, giá cả hợp lý nhưng rất khó tìm, chẳng hạn thiết bị làm khô nông sản bằng sử dụng năng lượng mặt trời, vừa tiện lợi và chi phí thấp nhưng ngành cơ khí trong nước chưa đáp ứng được. Nếu nhập khẩu các thiết bị này thì giá quá đắt và thiếu các dịch vụ bảo hành, hướng dẫn sử dụng thuận lợi phù hợp với điều kiện về hiểu biết của xã viên HTX về ngôn ngữ và kỹ thuật chuyên môn.

c. Quy mô nông sản do xã viên HTX làm ra rất nhỏ.

Quy mô sản xuất nhỏ của hộ xã viên có ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng hình thành và phát triển hoạt động chế biến trong các HTX nông nghiệp. Ở nhiều HTX, xã viên đã không có đủ lượng sản phẩm cần thiết để đưa vào chế biến tập trung, vì vậy mà hoạt động này đã không triển khai được. Ngoài ra sản phẩm làm ra với giá thành cao, không đồng nhất về chất lượng nên không thuận lợi cho HTX trong tổ chức hoạt động này.

Tỷ lệ HTX đã tổ chức chế biến cho xã viên chỉ đạt 1,3% ở 15 tỉnh mà Cục HTX, Bộ NN và PTNT đã điều tra⁹

2.6.2. Đối với hoạt động tiêu thụ nông sản

2.6.2.1. Các nhân tố nội sinh.

a. Năng lực nắm bắt nhu cầu khách hàng.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi tất yếu đối với các HTX, nếu không nắm bắt được nhu cầu khách hàng thì không biết sản xuất theo nhu cầu nào. Đối với hầu hết các HTX nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay, việc nắm bắt nhu cầu khách hiện là một công việc xa lạ và thách thức. Vì vậy phần lớn các HTX nông nghiệp không tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho hộ xã viên làm ra, mà để hộ tự tiêu thụ theo những cách riêng của họ. HTX nông nghiệp Việt Nam hiện nay chưa có được những chuyên gia tiếp thị đủ năng lực nắm bắt được nhu cầu khách hàng.

⁹ Nguồn đã dẫn số 12.

Kết quả khảo sát vừa qua cho thấy mới chỉ 50% Chủ nhiệm HTX được bồi dưỡng về Marketing; còn BQT và kế toán trưởng thì có tới 62 đến 76% chưa qua lớp bồi dưỡng cơ bản về marketing.

b. Sự khác biệt lớn về quy mô sản xuất của hộ xã viên.

Nhân tố này phản ánh tình trạng sản nhỏ, phân tán và khác biệt về sản phẩm của hộ xã viên trong các HTX nông nghiệp hiện nay. Sản phẩm hàng hóa làm ra không đáng kể và chất lượng lại khác nhau. Hộ xã viên tự tìm cách tiêu thụ riêng lẻ và ít đồng thuận về tiêu thụ tập trung. Theo số liệu của cục HTX Bộ nông nghiệp PTNN thì con số này mới chiếm 17,1% còn tới 72,9% số hộ xã viên tự tiêu thụ sản phẩm.

c. Kiến thức và thói quen sản xuất chưa chuyên nghiệp của xã viên.

Nhân tố này phản ánh tình trạng khác biệt khá lớn về kiến thức và thói quen sản xuất tùy tiện ở các xã viên trong một HTX, giữa các HTX trên cùng một địa bàn và giữa các HTX ở các địa bàn khác nhau. Ở một số nơi hộ xã viên đã có ý thức sản xuất theo quy trình chuẩn do Nhà nước ban hành (GAP), tạo ra sản phẩm sạch và có chất lượng, nhưng không thúc đẩy được các xã viên khác làm theo. Đang tồn tại một bộ phận lớn các hộ sản xuất tùy tiện, không theo qui trình kỹ thuật đã được ban hành, bỏ qua các qui định của pháp luật về tiêu chuẩn thương mại và an toàn thực phẩm; thậm chí còn bớt xén, pha trộn sản phẩm tốt với sản phẩm kém chất lượng để bán ra thị trường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và khả năng lâu dài.

d. Trang thiết bị vận chuyển, bảo quản nguyên liệu và hàng hóa chế biến.

Nhân tố này phản ánh những đòi hỏi về đầu tư trang thiết bị vận chuyển, bảo quản nguyên liệu và hàng hóa đã chế biến. Tình trạng ở các HTX nông nghiệp hiện nay là yếu kém ăn trong lĩnh vực này, hầu như các HTX chưa đủ năng lực tư duy và huy động vốn đầu tư vào các hạng mục này. Kết quả điều tra của Cục HTX Bộ NN và PTNT cho thấy thực tế chỉ có 1% số HTX có xe vận chuyển cơ giới, còn lại là vận chuyển thủ công.

2.6.2.1. Các nhân tố ngoại sinh

a. Cơ hội tiếp cận vốn vay để đầu tư trang thiết bị phục vụ tiêu thụ sản phẩm.

Nhân tố này đặt ra đòi hỏi HTX phải biết huy động các nguồn vốn khác nhau để đầu tư trang thiết bị phục vụ tiêu thụ sản phẩm, thiếu chúng sẽ không thể triển khai được hoạt động này.

Các HTX nông nghiệp Việt Nam hiện nay chưa suy tính đầu tư vào các loại trang thiết bị tiêu thụ nông sản, đặc biệt là thiết bị bảo quản nông sản tươi sống. Việc tiếp cận ngân hàng để vay vốn lại khó khăn, vì vậy đầu tư của HTX vào trang thiết bị tiêu thụ nông sản gần như không có gì.

Theo số liệu điều tra của Cục HTX Bộ NN và PTNT thì chỉ khoảng dưới 50% số HTX đã tiếp cận được vốn tín dụng ngân hàng. Một số HTX vay được vốn thì lượng vốn không đủ để đầu tư, số còn lại đang đứng xa ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Ngày 17/4/2009 năm 2009 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 497/2009/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn, nhưng các HTX chưa tiếp cận nguồn vốn theo Quyết định này¹⁰

b. Chính sách nhà nước

Nhân tố này phản ánh ảnh hưởng của các chính sách nhà nước với hoạt động tiêu thụ sản phẩm của HTX. Cụ thể gồm

- Chính sách ưu về đãi thuế thu nhập DN, thuế VAT theo quy định của Nghị định số 88/ 2005/ NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến phát triển HTX. Trong đó thuế thu nhập DN đối với HTX vẫn chưa áp dụng những quy định về ưu đãi đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh cho xã viên, mà vẫn đánh theo mức phổ biến là 25% đối với thu nhập tạo ra từ các giao dịch mua - bán giữa HTX với hộ xã viên; HTX vẫn phải chịu thuế môn bài và thuế giá trị gia tăng.

¹⁰ Theo thống kê sơ bộ của Ngân hàng Nhà nước thì Chính phủ đã bỏ ra 17.000 tỷ VND để hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay theo quy định của QĐ 497 nói trên. Kết quả đến nay là trên 66% số tiền này rơi vào các loại hình công ty, 18,5% rơi vào hộ gia đình, các HTX không được thống kê.

- Chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua hợp đồng (Quyết định 80/ 2002/ NĐ-CP ngày 16/2/2002) chưa được triển khai đúng theo thực tế sản xuất, chưa lấy HTX làm đối tượng để thực hiện liên kết các hộ nông dân xã viên và tổ chức tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng đã ký với các DN.

c. Sự hình thành các trung tâm tiêu thụ nông sản ở các vùng sản xuất tập trung.

Nhân tố này phản ánh điều kiện tập trung, giới thiệu, giao dịch hành nông sản theo từng vùng. Thiếu nó HTX rất khó tiếp cận khách hàng hoặc phải chịu chi phí cao.

Tình trạng hiện nay ở Việt Nam là, đang thiếu hụt về môi trường tiêu thụ nông sản nguyên liệu ở các vùng sản xuất tập trung, chưa tạo cơ hội để HTX tiếp cận khách hàng qua các trung tâm này.

Số lượng HTX tổ chức thành công hoạt động tiêu thụ sản phẩm cho xã viên còn rất khiêm tốn, khoảng trên 8,3% số HTX và với quy mô rất nhỏ¹¹.

III. Một số nhận xét chung.

3.1 Hoạt động dịch vụ của HTX đối với xã viên sản xuất nông nghiệp là quan trọng và qua đó thể hiện rõ nhất vai trò của HTX đối với xã viên trong lĩnh vực này.

3.2. Mỗi hoạt động đều chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố nội sinh và ngoại sinh khác nhau, vì vậy kết quả của hoạt động dịch vụ phụ thuộc vào ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực (hạn chế) của các nhân tố đối với hoạt động đó. HTX cần quan tâm đầy đủ đến các nhân tố ảnh hưởng trước khi quyết định hành động.

3.3. Trong 2 nhóm nhân tố nội sinh và ngoại sinh thì nhóm nội sinh đóng vai trò quyết định sự thành công của hoạt động dịch vụ. HTX cần quan tâm nhiều hơn đến các nhân tố này để hình thành và phát triển các dịch vụ đối với xã viên.

¹¹ Nguồn đã dẫn số 14.

Nhóm nhân tố ngoại sinh có vai trò hỗ trợ, tạo thêm những thuận lợi giúp HTX triển khai thành công các hoạt động dịch vụ. Nhà nước có vai trò và chức năng tạo ra những nhân tố này, vì vậy các chính sách, giải pháp hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển các hoạt động dịch vụ của HTX cần khuyến khích các nhân tố ngoại sinh có ảnh hưởng tích cực và hạn chế những nhân tố ngoại sinh có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động dịch vụ của HTX đối với xã viên của nó.

Sự nhận biết về tính chất ảnh hưởng của 2 nhóm nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công tác hoạch định chính sách hỗ trợ phát triển HTX và công tác động viên, tư vấn để thúc đẩy phong trào HTX ở Việt Nam thời gian tới.

3.4. Quá trình hình thành và phát triển các dịch vụ của HTX với xã viên sản xuất nông nghiệp là tiến trình từ thấp đến cao, từ dễ đến khó. Mỗi HTX cần có giai đoạn tập dượt từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn và từ không chuyên đến chuyên nghiệp hơn.

Nếu các xã viên HTX không thấm nhuần được đòi hỏi nói trên và cùng nhau tham gia vào từng dịch vụ với tư cách vừa là khách hàng vừa là người tổ chức ra dịch vụ, thì rất khó vượt qua những khó khăn, thách thức và cản trở đối với mỗi loại dịch vụ, nhất là những dịch vụ có liên quan nhiều đến các nhân tố ngoại sinh và HTX không có khả năng làm chủ những nhân tố này.

Các HTX trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện đang yếu kém về những dịch vụ có liên quan đến các nhân tố ngoại sinh, vì chưa nhận biết rõ và chưa có phương sách ứng xử phù hợp với những nhân tố nói trên. Các tổ chức hỗ trợ phát triển HTX là lực lượng quan trọng giúp HTX vượt qua trở ngại này.

3.5. Sự liên kết, liên minh giữa các HTX là con đường tốt nhất, hiệu quả nhất để từng HTX vượt qua những rào cản, khó khăn do những ảnh hưởng tiêu cực của các nhân tố đang tác động vào HTX.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc liên kết trung thực giữa các HTX là điều kiện quan trọng nhất để HTX vượt qua những khó khăn chung do các nhân tố gây ra./.